TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- BẮC NINH** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/HS-ST
Ngày 23-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Đỗ Văn Ngôn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh M- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hình sự thụ lý số 48/2025/TLST- HS ngày 29 tháng 8 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1.**Phạm Thị H,** sinh năm 1991; tại phường V, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố N, phường V, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Tiến M1; và bà: Ngô Thị C; Chồng: Không có và có 03 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2019; **tiền án, tiền sự, nhân thân:** không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh B (có mặt).

2.Nguyễn Thanh N, sinh năm 1981; tại phường Đ, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Khắc S; và bà: Đinh Thị K; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án:

+ Tại bản án số 224 ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử 9 tháng 10 ngày về tội trộm cắp tài sản (thời hạn tù được tính bằng thời hạn tạm giam đến ngày tuyên án) và buộc phải bồi thường 1.100.000đ (Nam chưa bồi thường), chưa bồi thường dân sự.

+ Tại bản án số 31 ngày 02/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt N 8 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Chấp hành xong án phí ngày 30/5/2018, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2022.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Ngày 14/8/2013 Công an phường T, thành phố B xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 17/6/2014 Công an phường M, thành phố B xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 16/9/2023, Công an thành phố B xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh B (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo N*: Ông Nguyễn Đức T- Luật sư Công ty L1; địa chỉ: Số E, đường L, phường B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Lường Văn M2, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn B, xã T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Trọng G, sinh năm 1989; cư trú tại: Tổ dân phố C, phường N, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; cư trú tại: Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 09 giờ 35 phút ngày 15/12/2024, tại khu vực bãi đất trống, thuộc địa phận tổ dân phố K, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh); Công an thị xã V (nay là Công an tỉnh B) phát hiện Lường Văn M2, sinh năm 1991, trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã T, tỉnh Bắc Ninh) có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vật

chứng thu giữ của M2: 01 mảnh giấy bạc có bám dính chất màu xám đen, 01 bật lửa, toàn bộ được niêm phong trong phong bì ký hiệu "HC Mây".

Tại Cơ quan điều tra, M2 khai nhận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/12/2024, M2 nhờ bạn là anh Nguyễn Trọng G, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố C, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) điều khiển xe mô tô chở Mây đến khu vực Nhà máy G1, thuộc địa phận tổ dân phố T, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh). Mây sử dụng số điện thoại 0853.544.291 (mượn của anh G) gọi đến số 0972.179.996 của Phạm Thị H, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh), đang ở trọ tại nhà trọ của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961, ở tổ dân phố T, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) hỏi mua ma túy H1 để tự sử dụng, nhưng không nói cho anh G biết. H nghe điện thoại, đồng ý bán ma túy cho M2 và bảo Mây đợi tại địa điểm trên. Khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô (không xác định được biển số) đến vị trí M2 và anh G đang đứng đợi như đã hẹn. H thả gói ma túy Heroine được bọc bên ngoài bằng chiếc khẩu trang y tế xuống mặt đường rồi nhận số tiền 2.000.000 đồng mua ma túy của G, sau đó điều khiển xe mô tô bỏ đi. Mây nhặt gói ma túy cất giấu vào trong người rồi bảo anh G điều khiển xe chở về nhà. Ngày 15/12/2024, khi M2 bỏ số ma túy mua được của H ra tự sử dụng hết thì bị Công an phát hiện. Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra việc sử dụng trái phép chất ma túy đối với M2 bằng que test, kết quả dương tính với chất ma túy MOP.

Căn cứ lời khai của M2, ngày 15/12/2024 Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị H tại nhà trọ của bà Nguyễn Thị L. Tại thời điểm khám xét khẩn cấp, trong phòng của H có mặt Nguyễn Thanh N, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Đ, tỉnh Bắc Ninh) là người sống chung như vợ chồng với H tại phòng trọ; kết quả phát hiện thu giữ:

- T1 trong hộp nhựa bên trên có chữ "PENTAL" để tại gầm giường ngủ trong phòng: 01 túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ, bên trong đựng chất cục bột màu trắng; 01 túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ, bên trong dính chất bột màu trắng; 02 gói giấy bạc mặt trong màu trắng, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng; 02 mảnh dao lam, được niêm phong trong phong bì ký hiệu "KX Huệ 1" và 03 mảnh giấy bạc một mặt màu trắng;

- T1 tại túi áo vải loại áo chống nắng màu đen hoa văn màu vàng (áo của H) treo trên móc treo quần áo phòng ngủ: 01 túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh

khóa nhựa, viền màu đỏ bên trong đựng chất cục bột màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu "KX Huệ 2".

Sau khi khám xét xong, N tự đầu thú và khai nhận toàn bộ số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ được trong phòng trọ là của N mua để sử dụng. Cơ quan điều tra Công an thị xã V (nay là Công an tỉnh B) đưa N và H về trụ sở để lấy lời khai và làm rõ sự việc. Ban đầu H không thừa nhận hành vi mua bán ma túy cho M2. Sau đó H đầu thú và khai nhận về việc ngày 14/12/2024, H bán trái phép chất ma túy cho Mây, số ma túy thu giữ là của H cất giấu để bán; N thay đổi lời khai xác định N biết số ma túy trên là của H mua về cất giấu ở phòng trọ để bán cho người khác, nhưng N không tham gia bán ma túy; vì không muốn H bị bắt nên N khai là ma túy của N. Khi đầu thú, Cơ quan điều tra thu giữ của Nam: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A78 màu tím đã qua sử dụng; thu của H 01 điện thoại di động Samsung mặt lưng màu xanh đã qua sử dụng có số Imei 1: 350481170415986/01; số Imei 2: 351165160415986/01. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra việc sử dụng trái phép chất ma túy của N và H bằng que test, kết quả: Huệ dương tính với các chất ma túy MOP, MET, MDMA; Nam dương tính với chất ma túy MET, MDMA.

Tại Bản kết luận giám định số: 2758/KL-KTHS ngày 24/12/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

- Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "HC Mây" đã được dán kín, niêm phong gửi giám định: Chất màu xám đen bám dính trên mảnh giấy bạc đựng trong 01 (một) gói giấy màu trắng là ma túy, loại Heroin (H), không xác định được khối lượng;

- Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "KX Huệ 1" đã được dán kín, niêm phong gửi giám định:

+ Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 0,490 gam, loại Heroin (Heroine);

+ Chất bột màu trắng bám dính trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, loại Heroin (H), không xác định được khối lượng;

+ Chất cục bột màu trắng đựng trong 02 (hai) gói giấy bạc là ma túy có tổng khối lượng 0,050 gam, loại Heroin (Heroine);

+ Chất bột màu trắng bám dính trên 02 (hai) mảnh dao lam là ma túy, loại Heroin (H), không xác định được khối lượng;

- Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "KX Huệ 2" đã được dán kín, niêm phong, gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 0,090 gam, loại Heroin (H).

Căn cứ kết quả điều tra, có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của Phạm Thị H và Nguyễn Thanh N như sau: N và H đều là người sử dụng trái phép chất ma túy; cùng thuê phòng trọ sống chung với nhau như vợ chồng tại nhà trọ của bà Nguyễn Thị L có địa chỉ nêu trên từ tháng 11/2024. Hàng ngày, N và H làm nghề quản lý công nhân để đưa vào làm tại các khu xây dựng nhà ở xã hội thuộc phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh). Quá trình làm việc, H thấy có nhiều người bị nghiện ma túy có nhu cầu mua ma túy để sử dụng nên tự nảy sinh ý định mua ma túy về chia nhỏ để bán kiếm lời. Khoảng 13 giờ ngày 14/12/2024, khi N và H đang nằm cùng nhau trên giường ở phòng trọ, thì H nhận được số điện thoại 0853.544.291 của anh Nguyễn Trọng G, là người có mối quan hệ quen biết với H (H lưu tên trong danh bạ là "Ghẹ hấp") gọi đến số điện thoại 0972.179.996 của H. Khi H nghe điện thoại thì biết người nói chuyện là Lường Văn M2 hỏi mua của H 2.000.000 đồng ma túy Heroine, H đồng ý. N nằm cạnh H nghe được nội dung cuộc gọi nói chuyện của H với M2. N hỏi H ai gọi thì H bảo *"ông K1"* (tức G) gọi điện mua ma túy H2, nhưng N không nói gì. Ngay sau đó, H một mình đi xe mô tô nhãn hiệu Janus màu vàng, không nhớ biển kiểm soát đi ra khu gầm cầu N, thuộc địa phận phường Q (nay là phường N) để mua ma túy H2 đem về bán lại cho người khác. H tìm mua được của một người đàn ông không biết họ tên, địa chỉ 01 túi ni lon có rãnh khóa, bên trong đựng ma túy Heroine cùng một số túi ni lon nhỏ hết số tiền 1.600.000 đồng. H đem túi ma túy H2 mua được về phòng trọ. Khi về tới phòng trọ, N đang nằm trên giường, H lấy giấy bạc có sẵn ở trong phòng và lấy dao lam của N (thường dùng để cạo râu), ngồi dưới nền nhà, sát cạnh giường chỗ N đang nằm xem điện thoại rồi bỏ túi ma túy ra tự chia nhỏ để bán. H dùng mảnh dao lam để cắt chia nhỏ ma túy nhưng không được nên H dùng điện thoại đập nhỏ ma túy chia thành các phần khác nhau. N biết H chia ma túy nhưng không tham gia và mặc kệ H. Khi chia ma túy, do chưa biết lấy số lượng bao nhiêu để đem bán cho M2 là hợp lý với số tiền 2.000.000 đồng, nên H hỏi N "chia thế này được chưa",N nằm trên giường nói với H "Mày làm thế nào thì làm, tao không biết" . Sau đó H chia số ma túy thành các phần khác nhau vào các túi ni lon và giấy bạc để bán. Huệ cất giấu 01 túi ni lon đựng ma túy Heroine vào chiếc khẩu trang y tế màu trắng để đem đi bán cho M2; số ma túy còn lại cất giấu vào túi áo chống nắng của H mặc trên người và trong hộp nhựa (vỏ hộp đựng tăm chỉ nha khoa) rồi cho vào hộp sắt (loại vỏ hộp bánh Danisa) giấu dưới gầm giường. H ngồi

chia ma túy trong phòng khoảng 10 phút đến 15 phút thì chia xong. N biết H chia, cất giấu ma túy trong phòng, đem bán ma túy nhưng N không tham gia và mặc kệ H. Sau đó, H một mình điều khiển xe mô tô đem túi ma túy gói trong chiếc khẩu trang y tế ra khu vực nhà máy G1 ở phường Q (nay là phường N) như đã hẹn trước để bán cho M2. Khi đến nơi, H thấy G và M2 đang đứng đợi ở rìa đường. H đi đến gần vị trí G và M2 đứng đợi cách khoảng 05m thì thả gói ma túy cầm ở tay xuống rìa đường, rồi đi đến chỗ M2 đang đứng nhận tiền mua ma túy từ M2, đồng thời chỉ cho M2 vị trí thả gói ma túy ở đường, H đi về phòng trọ và ăn tiêu hết số tiền bán ma túy. Mây nhặt gói ma túy Heroine mua của H rồi tự sử dụng. Buổi chiều ngày 15/12/2024, H và N đang ở cùng nhau trong phòng trọ thì có người đàn ông chỉ biết tên H3 (còn họ tên đầy đủ và địa chỉ ở đâu cả hai không biết) làm trong công trường xây dựng do N và H quản lý đi vào phòng trọ gặp H lấy xe mô tô J điều khiển đi đón công nhân. Hồi 17 giờ ngày 15/12/2024, Công an đến khám xét phòng trọ của H và N thì thu giữ được toàn bộ số ma túy Heroine nêu trên. Số ma túy thu giữ H chỉ dùng để tự bán cho người khác.

Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại và kết quả trích xuất cuộc gọi trong điện thoại của Phạm Thị H, thu giữ được thông tin số điện thoại 0972.179.996 của H có phát sinh cuộc gọi liên hệ với số điện thoại 0853.544.291 của Nguyễn Trọng G trong ngày 14/12/2024.

Cơ quan Cảnh sát điều tra cho Phạm Thị H thực nghiệm lại hành vi chia nhỏ ma túy tại phòng trọ; Nguyễn Thanh N thực nghiệm lại hành vi ngồi, nằm trên giường trong phòng trọ cùng lúc H chia ma túy. Kết quả thực nghiệm: H thực hiện được thuần thục động tác chia ma túy Heroine như H khai; Nam đủ khả năng quan sát, nhìn thấy và biết được việc H chia ma túy dưới nền nhà.

Cáo trạng số 46/CT- VKS ngày 29 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thanh N về tội "*Không tố giác tội phạm*" quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng về tội danh Viện kiểm sát truy tố.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

a) **Về trách nhiệm hình sự**:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Phạm Thị H từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/12/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Thanh N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/12/2024.

b) Về vật chứng và số tiền bị cáo bán ma túy có được:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và các vật chứng liên quan được niêm phong trong 01 túi niêm phong ký hiệu: PS2 041954 bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định của V Bộ C1; 01 phong bì niêm phong ký hiệu "HC Mây"; 03 mảnh giấy bạc màu trắng; 01 áo vải tối màu, hoa văn màu vàng (loại áo chống nắng);

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động của H; số tiền 2.000.000 đồng H bán ma túy cho M2 mà có.

- Trả lại 01 điện thoại Oppo A78 màu tím cho Nguyễn Thanh N.

b) Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải chịu mỗi người 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo N sau khi phân tích đánh giá chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo N hình phạt bằng thời gian tạm giữ tạm giam, trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa.

Tranh luận đối đáp: Đại diện Viện kiểm sát và Người bào chữa cho bị cáo N giữ nguyên quan điểm.

Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã V nay là Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử, căn cứ các Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] *Về hành vi của các bị cáo*: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết quả khám xét chỗ ở của Phạm Thị H, phù hợp với Kết luận giám định số 2758/KL- KTHS ngày 24/12/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh B nay là tỉnh Bắc Ninh, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận:

Phạm Thị H và Nguyễn Thanh N sống chung như vợ chồng cùng nhau tại phòng trọ ở tổ dân phố T, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh). Khoảng 13 giờ ngày 14/12/2024, trong lúc H và N nằm cạnh nhau trên giường ở trong phòng trọ thì H nhận được điện thoại của Lường Văn M2 bảo bán cho 2.000.000 đồng tiền ma túy Heroine. N nghe được nội dung cuộc gọi, biết H bán ma túy nhưng không bảo gì. Huệ một mình tự đi mua ma túy Heroine, đem về để ở nền phòng trọ, cạnh chỗ N đang nằm trên giường, để chia nhỏ thành nhiều phần khác nhau trong thời gian khoảng 10 phút đến 15 phút, mục đích để bán. Khi chia ma túy, H có hỏi N về khối lượng ma túy chia đem bán nhưng N bảo mặc kệ, tùy Huệ chia và vẫn nằm trên giường. H cất giấu một phần ma túy trên người và cất giấu tổng cộng 0,63 gam ma túy Heroine trong phòng trọ để bán. Khoảng 14 giờ 14 phút ngày 14/12/2024, H tự đem số ma túy cất giấu trên người đi đến đoạn đường ở cạnh Nhà máy G1, thuộc địa phận tổ dân phố T, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) bán cho M2 thu được số tiền 2.000.000 đồng. Khi M2 sử dụng hết số ma túy mua được thì Cơ quan điều tra phát hiện và khám xét khẩn cấp phòng trọ của H, N đang ở thu giữ được toàn bộ số ma túy Heroine của H cất giấu để tự bán một mình. Nguyễn Thanh N không tham gia mua bán trái phép chất ma túy với H. N ở chung phòng trọ với H, biết H liên hệ mua bán ma túy cho người khác, mang ma túy về phòng trọ chia nhỏ, cất giấu trong phòng trọ để bán nhưng vì có tình cảm với H nên đã không tố giác hành vi phạm tội của H với Cơ quan Công an. Hành vi của bị cáo Phạm Thị H có đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy; hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh N có đủ yếu tố cấu thành tội không tố giác tội phạm.

Cáo trạng số 46/CT- VKS ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội "*Mua bán trái phép chất*

ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thanh N về tội "*Không tố giác tội phạm*" quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị H là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà N1 về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Ma túy là chất gây nghiện và là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và là nguyên nhân lây truyền căn bệnh HIV, AIDS. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh N xâm phạm tới hoạt động tư pháp của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, góp phần gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội, không ngăn chặn kịp thời các hậu quả nguy hiểm cho xã hội do phạm tội gây ra. Hiện nay tệ nạn ma túy ở địa phương xảy ra nhiều, Hội đồng xét xử thấy cần xét xử nghiêm khắc đối với các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

[4.1] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đầu thú; mẹ bị cáo H hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ được Bộ trưởng Bộ Q tặng Bằng khen, áp dụng điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, riêng bị cáo H áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[4.2] Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh N xuất trình Giấy chứng nhận danh hiệu chiến sỹ giỏi mang tên Nguyễn Thành N2 và đề nghị ngừng phiên tòa xác minh. Xét thấy bị cáo N2 họ và tên đệm là Nguyễn Thanh N, Giấy chứng nhận ghi Nguyễn Thành N2 nhưng không ghi sinh năm, quê quán nên Hội đồng xét xử không có căn cứ ngừng phiên tòa xác minh làm rõ và không có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N2.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Nguyễn Thanh N có tiền án tái phạm chưa được xóa án tích nay phạm tội do cố ý, áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[6] *Xét về hình phạt bổ sung*: Bị cáo H phạm tội vì mục đích lợi nhuận, tuy nhiên bị cáo H có 03 con nhỏ, không có tài sản, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Sau khi xem xét hành vi, động cơ, tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo Phạm Thị H phạm tội nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội ít nghiêm trọng nhưng tái phạm nguy hiểm, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[8] Đối với việc Phạm Thị H và Nguyễn Thanh N dương tính với chất ma túy, quá trình điều tra các bị cáo khai: vào buổi trưa ngày 14/12/2024, H mua 300.000 đồng ma túy đá của G về phòng trọ sử dụng một mình hết một phần. Phần còn lại H để dưới giường ngủ nên N tự lấy dùng khi H không có ở phòng, N và H cũng không bàn bạc gì về việc sử dụng ma túy trên không có căn cứ xử lý là đúng pháp luật.

Đối với người bán ma túy Heroine cho H vào ngày 14/12/2024, sau đó H mang về chia nhỏ bán cho M2, H khai không biết tên và địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh xử lý.

Đối với anh Nguyễn Trọng G, không thừa nhận việc bán ma túy "đá ngựa" cho H, Cơ quan điều tra tiến hành cho G và H đối chất nhưng các bên giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của H thì không có các chứng cứ khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ chứng minh anh G có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngoài ra, không có căn cứ chứng minh anh G giúp sức cho M2 mua ma túy Heroine của H, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị L, không biết bị cáo tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng trọ và đi bán ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Thị H, Nguyễn Thanh N và Lường Văn M2, Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng pháp luật.

Đối với xe mô tô H sử dụng đi mua ma túy và đi bán ma túy, quá trình điều tra H khai nhận là mua lại của người đàn ông không quen biết tại phường N, tỉnh Bắc Ninh với giá 3.000.000 đồng vào khoảng một tháng trước ngày bị bắt để sử dụng, khi mua không làm hợp đồng mua bán và không có giấy tờ xe nên H không nhớ được biển số xe. H đưa chìa khóa xe và xe cho người tên H3 sử dụng. Cơ quan điều tra không xác định được người tên H3 là ai, ở đâu nên không thu giữ được xe mô tô nêu trên là đúng pháp luật.

[9] *Số tiền thu lời bất chính*: Bị cáo H bán ma túy cho anh Lường Văn M2 được số tiền 2.000.000 đồng là số tiền thu lời bất chính. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo H phải nộp số tiền 2.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[10] *Về vật chứng*:

[10.1] 01 phong bì ký hiệu "HC Mây" bên trong là ma túy hoàn lại sau giám định có chữ ký của Hoàng Xuân P, Nguyễn Quang T2 có hình dấu của Phòng K3 Công an tỉnh B; 01 áo tối màu, hoa văn màu vàng (loại áo chống nắng) đã qua sử

dụng; 01 túi niêm phong ký hiệu: PS2 041954 bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định của V Bộ C1 có chữ ký cùng tên Bùi Minh T3 và Lê Khánh D và dấu của V Bộ C1 là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, là vật cấm lưu hành, căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch tiêu hủy.

[10.2] 01 điện thoại di động được niêm phong trong phong bì ký hiệu " Điện thoại Samsung của Phạm Thị H" có chữ ký các thành viên Lê Văn H4, Nguyễn Duy K2, có hình dấu của Phòng K3 Công an tỉnh B là công cụ phương tiện H sử dụng vào việc phạm tội, căn cứ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10.3] 01 điện thoại di động được niêm phong trong phong bì ký hiệu " Điện thoại OPPO A 78 của Nguyễn Thanh N" có chữ ký các thành viên Lê Văn H4, Nguyễn Duy K2, có hình dấu của Phòng K3 Công an tỉnh B là tài sản của N không liên quan đến hành vi phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo N nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[10.4] 03 mảnh giấy bạc màu trắng là vật không có giá trị, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[11] *Về án phí:* Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Phạm Thị H và Nguyễn Thanh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. **Về áp dụng điều luật, tội danh và hình phạt**:

1.1.Căn cứ Khoản 1 Điều 251, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 16/12/2024.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 390, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thanh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội không tố giác tội phạm, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 16/12/2024.

2. *Về số tiền thu lời bất chính*: Căn cứ các điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, các điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự Buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp số tiền 2.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. *Về vật chứng*: Căn cứ các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, các điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. *Tịch thu tiêu hủy*: 01 phong bì ký hiệu "HC Mây" bên trong là ma túy hoàn lại sau giám định có chữ ký của Hoàng Xuân P, Nguyễn Quang T2 có hình dấu của Phòng K3 Công an tỉnh B; 03 mảnh giấy bạc màu trắng; 01 áo tối màu, hoa văn màu vàng (loại áo chống nắng) đã qua sử dụng; 01 túi niêm phong ký hiệu: PS2 041954 bên trong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định của V Bộ C1 có chữ ký cùng tên Bùi Minh T3 và Lê Khánh D và dấu của V Bộ C1.

3.2. *Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:* 01 điện thoại di động được niêm phong trong phong bì ký hiệu " Điện thoại Samsung của Phạm Thị H" có chữ ký các thành viên Lê Văn H4, Nguyễn Duy K2, có hình dấu của Phòng K3 Công an tỉnh B.

3.3. Trả lại Nguyễn Thanh N 01 điện thoại được niêm phong trong phong bì ký hiệu " Điện thoại OPPO A 78 của Nguyễn Thanh N" có chữ ký các thành viên Lê Văn H4, Nguyễn Duy K2, có hình dấu của Phòng K3 Công an tỉnh B nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(*Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 9 năm 2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Bắc Ninh).*

4**.** *Về án phí:* Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, các bị cáo Phạm Thị H và Nguyễn Thanh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phạt, tiền sung công quỹ nhà nước, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng HS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
-Lưu HS- VP*;*
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã phường nơi bị cáo cư trú**.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hương